

BẢNG CHỮ CÁI TIẾNG HÀN HANGEUL

Tài liệu tổng hợp đầy đủ Nguyên âm & Phụ âm

I. NGUYÊN ÂM (21 Chữ)

1. Nguyên âm cơ bản (10)

Chữ cái	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅜ	ㅠ	ㅡ	ㅣ
Phát âm	a	ya	ơ	yơ	ô	yô	u	yu	ư	i

2. Nguyên âm đôi / ghép (11)

Chữ cái	ㅘ	ㅙ	ㅚ	ㅜ	ㅝ	ㅞ
Phát âm	ae	yae	ê	yê	oa	oe
Chữ cái	ㅟ	ㅠ	ㅢ	ㅤ	ㅥ	
Phát âm	uê	uơ	uê	uy	ưi	

II. PHỤ ÂM (19 Chữ)

1. Phụ âm đơn (14)

ㄱ	ㄴ	ㄷ	ㄹ	ㅁ	ㅂ	ㅅ
k/g	n	t/d	r/l	m	b/p	s
ㅇ	ㅈ	ㅊ	ㅋ	ㅌ	ㅍ	ㅎ
ng/câm	ch	ch'	kh	th	ph	h

2. Phụ âm kép (5)

Chữ cái	ㄱㄱ	ㄷㄷ	ㅍㅍ	ㅅㅅ	ㅈㅈ
Phát âm	kk	tt	pp	ss	jj

MẸO GHI NHỚ & QUY TẮC:

- Nguyên tắc viết:** Luôn viết từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
- Âm câm:** Phụ âm "ㅇ" khi đứng đầu từ không phát âm, chỉ có tác dụng làm đầy khối chữ cho nguyên âm.
- Patchim (Phụ âm cuối):** Có 7 cách phát âm chính: ㄱ(k), ㄴ(n), ㄷ(t), ㄹ(l), ㅁ(m), ㅂ(p), ㅇ(ng).
- Nguyên lý tạo hình:** Nguyên âm dựa trên Thiên (·), Địa (ㅡ), Nhân (ㅣ). Phụ âm dựa trên hình dáng cơ quan phát âm.